**Phụ Tử

*(Radix Aconiti)*

1. Bộ phận dùng Rễ cây ô đầu *Aconitum fortune* Hemsi.
2. Họ Mã tiền Ranunculaceae
3. Chế biến sơ bộ:
   * Thu hoạch rễ củ vào tháng 8, 9 sau khi cây ra hoa, bắt đầu vàng lụi.   
     Tách riêng củ cái và củ nhánh.
   * 🏵 Củ cái nhẹ, xốp gọi là **ô đầu** 🡪 chỉ được *dùng ngoài*
   * 🏵 Củ nhánh hình con quay, chắc, vỏ màu đen, gọi là **phụ tử** 🡪 dạng phiến để *dùng trong*
4. Chế biến cổ truyền:
   * ***Phải chế biến để an toàn khi dùng trong***
   * (1) Giảm độc tính của phụ tử: th.phần gây độc là alkaloid diester: hypaconitin, aconitin
     + Ngâm, nấu, sử dụng phụ liệu (cam thảo, đậu đen, đậu xanh, phòng phong )
     + Aconitin có vị cay tê mạnh, vị cay tê giảm có nghĩa là lượng aconitin giảm

* (2) Tăng tác dụng bổ hỏa, bổ thận: chế với muối Bổ hỏa: bổ tâm hỏa (quân hỏa) và thận hỏa (tướng hỏa) 🡪 liên quan đến td cường tim, điều hòa nội tiết tố tủy thượng thận hệ adrenecgic.
* (3) Chuyển dạng dùng:
  + Phụ tử sống 🡪 chỉ được dùng ngoài
  + Thành phẩm chế biến 🡪 dùng dưới dạng thuốc thang, bột, hoàn…
* Chế biến diêm phụ (PT muối, sinh PT)
* Chế biến bạch phụ phiến
* Chế biến hắc phụ phiến

Một số pp chế biến theo kinh nghiệm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CB. diêm phụ** | **CB. bạch phụ phiến** | **CB. hắc phụ phiến** |
| Phụ tử 100kg MgCl2 40kg NaCl 30kg  Nước 60 lít  Có lớp muối kết tinh trắng bám bên ngoài | Phụ tử 100kg MgCl2 40kg Nước 30 lít    Ngâm, luộc, rửa, đồ, sấy diêm sinh | Phụ tử 100kg MgCl2 40kg Nước 30 lít  Ngâm, Tẩm dầu hạt cải, dịch nước đường đỏ, sao, rửa, phơi |

1. Sự biến đổi thành phần hóa học:
   * TPHH:
   * Alcaloid 0,5-0,75% biểu thị bằng aconitin, gồm aconitin, benzoylaconin, aconin, hypaconitin, mesaconitin.
   * Ngoài ra còn có hygenamin, acid calci phosphor aconitic…
   * Alcaloid toàn phần: chế < sống.  
     Alcaloid toàn phần và aconitin giảm dần qua từng giai đoạn chế biến
   * Nghiên cứu chế biến phụ tử Sapa thấy:

|  |  |
| --- | --- |
| phụ tử sống | **1,05%** |
| diêm phụ chế | **0,83%** |
| hắc phụ phiến | **0,133%** |
| bạch phụ phiến | **0,087%** |

1. Sự biến đổi tác dụng sinh học:
   * Độc tính: Diêm phụ>hắc phụ phiến>bạch phụ phiến.
   * Tác dụng bổ hỏa: dùng trong, phụ tử chế có tác dụng bổ hỏa, hồi dương cứu nghịch, trị chứng hỏa hư, thoát dương (trụy tim mạch cấp).
   * Dạng dùng:
   * Phụ tử sống chỉ được dùng ngoài
   * Phụ tử chế được dùng trong
2. Bảo quản: Mã tiền sống:
   * Phụ tử sống: độc bảng A
   * Phụ tử chế: độc bảng B

Phụ tử chế cho vào lọ kín, để nơi khô ráo, định kỳ kiểm tra độ ẩm.